

BẢNG GIÁ CỬA CUỐN & PHỤ KIỆN CỬA CUỐN BOSSDOOR

(Áp dụng từ Ngày 15/03/2020)

TT	MÃ SP	DIỄN GIẢI	ĐVT	Giá đại lý	Giá bán lẻ	Ghi chú
Cửa cuốn lỗ thoáng - Bosssdoor Siêu trường						
1	CD.100	Nan CD 100. Dày từ 1.5 - 2.5mm ±5%	m2	2,960,000	3,980,000	
2	CD.80	Nan CD 80iS. Dày từ 1.2 - 2.0mm ±5%	m2	2,560,000	3,500,000	
3	68	Nan 68SS/68NT. Dày từ 1.1 - 2.0mm ±5%	m2	1,830,000	2,850,000	
Cửa cuốn Bosssdoor Serri 2018						
1	6502	Nan Thoáng 6502 - Dày từ: 1.1 - 1.5mm ±5%	m2	1,800,000	2,650,000	
2	65NT1	Nan Sáng 65NT1 - Dày từ: 1.0 - 2.0mm ±5%	m2	1,760,000	2,600,000	
3	65NT2	Nan Sáng 65NT2 - Dày từ: 1.0 - 2.0mm ±5%	m2	1,670,000	2,500,000	
4	65SS	Nan Siêu Sáng 65SS - Dày từ: 1.2 - 2.0mm ±5%	m2	1,640,000	2,450,000	
5	6501	Nan Thoáng kép 6501 - Dày từ 1.0 - 1.4mm ±5%	m2	1,630,000	2,400,000	Lỗ thoáng hình thang kép
Cửa cuốn lỗ thoáng Bosssdoor Truyền thống						
1	5203	Nan 5203. Độ dày từ 1.0 - 1.6mm ±5%	m2	1,525,000	2,350,000	
2	5201S	Nan 5201S. Độ dày từ 1.0 - 1.3mm ±5% (Zoăng 2 chiều)	m2	1,415,000	2,300,000	
3	5204	Nan 5204. Độ dày từ 1.0 - 1.3mm ±5%	m2	1,290,000	2,100,000	
4	5201 E- F	Nan 5201E - F. Độ dày từ 1.0 - 1.2mm ±5% (Zoăng 2 chiều)	m2	1,180,000	1,900,000	
5	5205 - S	Nan 5205S. Độ dày từ 0.9 - 1.1mm ±5%	m2	1,145,000	1,800,000	
Cửa cuốn tấm liền Bosssdoor (#1: màu vàng; #2: màu xanh; #3: màu ghi; #4: màu trắng)						
1	T- DL	Cửa Tấm liền T - DL (#1; #2; #3; #4)	m2	715,000	1,000,000	
2	T- EX	Cửa Tấm liền T - EX (#1; #2; #3; #4)	m2	580,000	900,000	
3	ECO	Cửa Tấm liền ECO (#1; #2; #3; #4)	m2	505,000	800,000	
4	ECO Super	Cửa Tấm liền ECO Super (#1; #2)	m2	460,000	700,000	
Phụ kiện cửa cuốn lỗ thoáng						
1	RS.94	Ray sử dụng khóa tự động (cho nan 43, 48, 52, 65 và 68)	md	299,000	360,000	bao gồm cả lá Inox + Nẹp nhựa khi mua kèm bộ tời
2	RS.110	Ray sử dụng khóa tự động (cho nan CD100 và CD80iS)	md	437,000	490,000	
3	RS.KC100S	Ray sử dụng khóa Bosssdoor (cho các loại nan 65 và 68)	md	402,500	470,000	
4	RS.76G	Ray không sử dụng khóa (cho các loại nan 65 & 68)	md	161,000	210,000	
5	KC.96	Ray sử dụng cho bộ khóa đa năng Bosssdoor	md	218,500	290,000	
6	HS.96	Ray Hộp cửa cuốn HS 96	md	207,000	270,000	
7	RS.85	Ray cửa cuốn RS.85 (Ray không dùng khóa cho nan 52/65-68)	md	189,750	230,000	
8	RS.76F	Ray cửa cuốn RS.76F	md	157,550	180,000	
9	KC.100	Ray sử dụng khóa đa năng Bosssdoor (cho nan CD.100 và CD.80iS)	md	402,500	450,000	
10	RS.100	Ray không sử dụng khóa Bosssdoor (cho nan CD.100 và CD.80iS)	md	362,250	420,000	

11	TS.114	Trục tròn Φ114 - Mạ kẽm. Dày 2.5mm (đồng bộ: trục, bát đỡ, móng)	md	276,000	330,000	
12	TS.140	Trục tròn Φ140- Mạ kẽm. Dày 4.0mm (đồng bộ)	md	471,500	550,000	
13	TS. 168	Trục tròn Φ168- Mạ kẽm. Dày 5.16mm (đồng bộ)	md	678,500	720,000	
14	TS. 170	Trục tròn dục Φ168 - 171 - Sơn chống rỉ dày 7.0mm (đồng bộ)	md	1,150,000	1,300,000	
15	N.INOX	Nhựa Inox (bao gồm nẹp nhựa + Inox)	md	34,500	60,000	
16	ZDA	Zoang đáy	md	19,550	30,000	
17	PUL	Con lăn dùng vòng bi (các loại)	bộ	253,000	280,000	
18	BNM1	Bát đỡ nhựa có vành đệm Φ 230 (trục Φ114)	cái	57,500	70,000	
19	BNM2	Bát nhựa méo Φ 230/114 lỗ thoáng (lõi thép) new	cái	69,000	100,000	
20	Bo 1	Bộ bịt đầu Nan lỗ thoáng 43; 52	cái	3,450	5,000	
21	Bo 2	Bộ bịt đầu Nan lỗ thoáng; 65; 68; 80; 100; Bịt đầu đáy	cái	9,200	15,000	
22	BT	Bộ nút bấm tường (lỗ thoáng/tấm liền)	bộ	299,000	450,000	
23	LD	Bộ lá đáy DS08, DS37, DS56	md	258,750	280,000	
24	DM100	Bộ lá đáy DM 100	md	287,500	315,000	
25	DM 136	Bộ đáy dùng cho khóa đa năng Bosdoor	md	293,250	330,000	
26	ĐKTX	Bộ điều khiển từ xa mô tơ AC (01 bộ thu phát sóng; 2 tay ĐK)	bộ	1,012,000	1,450,000	<i>có đầu râu khi kèm bộ từ</i>
27	TĐK	Tay điều khiển từ xa (mua thêm)	cái	333,500	620,000	
28	TBTN	Bộ TBTN (<i>Ty đồng, dây điện, đầu nhựa, kẹp nhựa, rơ le tự dừng</i>)	bộ	241,500	700,000	
29	CCB	Cột chống bão (gồm: Ray, nhựa đón, Zoăng)	md	253,000	500,000	
30	PK.CCB	PK cột CB (gồm: 1 bích trên, 1 bộ chốt chân, 1 bịt chân ray)	bộ	241,500	500,000	
31	CBĐ	Còi báo động (dùng cho mô tơ AC & DC)	bộ	241,500	500,000	

Phụ kiện cửa cuốn tấm liền

1	KH1	Khóa bộ; Khóa 2 chiều (2 cạnh), nắp khóa bằng thép hợp kim	bộ	414,000	550,000	
2	KH2	Khóa bộ; Khóa 1 chiều (2 cạnh), nắp khóa bằng thép hợp kim	bộ	391,000	500,000	
3	DK1	Tay điều khiển từ xa có nắp trượt	chiếc	333,500	500,000	
4	TK	Tay kéo cửa Inox/nhôm 1.0m	chiếc	63,250	90,000	
5	TK	Tay kéo cửa Inox/nhôm 2.0m	chiếc	101,200	140,000	
6	TK	Tay kéo cửa Inox/nhôm 3.0m	chiếc	151,800	200,000	
7	TK	Tay kéo cửa Inox/nhôm 4.0m	chiếc	202,400	280,000	
8	DR	Dây rút chốt hãm mô tơ (loại mềm) 1.0m	chiếc	328,900	450,000	
9	DR	Dây rút chốt hãm mô tơ (loại mềm) 2.0m	chiếc	335,225	480,000	
10	DR	Dây rút chốt hãm mô tơ (loại mềm) 3.0m	chiếc	385,825	560,000	
11	DR	Dây rút chốt hãm mô tơ (loại mềm) 4.0m	chiếc	442,750	600,000	
12	CT	Chốt trong (2 chiếc/ cửa)	bộ	43,700	60,000	
13	RS 75	Ray nhôm RS75 cửa tấm liền dùng mô tơ AC (sử dụng thiết bị tự ngắt)	md	143,750	180,000	<i>bao gồm lá Inox và nẹp nhựa khi mua kèm bộ từ</i>
14	LD	Bộ nan đáy cửa cuốn tấm liền dùng TBTN - mô tơ AC	md	230,000	240,000	
15	GIA L	Giá đỡ L	bộ	149,500	180,000	
16	GIA T	Giá đỡ T	bộ	172,500	220,000	
17	U63T	Ray nhôm dẫn hướng U63T	md	97,750	130,000	
18	Puli	Pully G cửa tấm liền (thép)	chiếc	92,000	150,000	

19	BC	Bát chốt động cơ (8 lỗ)	chiếc	241,500	340,000	
20	KH3	Khóa bộ; Khóa 2 chiều (4 cạnh), nắp khóa bằng thép hợp kim	bộ	218,500	400,000	
Bộ tời điện; Lưu điện						
Bộ tời điện AC (gồm: Thân bộ tời; Mặt bích; Bộ điều khiển)						
1	RB.400	Bộ tời ROBUST 400kg	bộ	5,043,000	6,900,000	
2	RB.600	Bộ tời ROBUST 600kg	bộ	5,606,750	7,900,000	
3	RB.1000	Bộ tời ROBUST 1000kg	bộ	9,184,000	12,700,000	
4	BRM.300	Bộ tời BossRM 300kg (BH 24 tháng)	bộ	6,047,500	8,800,000	
5	BRM.500	Bộ tời BossRM 500kg (BH 24 tháng)	bộ	6,867,500	9,900,000	
6	BRM.700	Bộ tời BossRM 700kg (BH 24 tháng)	bộ	12,248,750	18,500,000	
7	BRM.1000	Bộ tời BossRM 1000kg (BH 24 tháng)	bộ	19,987,500	27,500,000	
8	BRM.1500	Bộ tời BossRM 1500kg (BH 24 tháng)	bộ	36,080,000	43,000,000	
9	BRM.2000	Bộ tời BossRM 2000kg - điện 3 pha (BH 24 tháng)	bộ	53,710,000	67,000,000	
10	KAS.D300	Bộ tời Kasankie DC 300kg	bộ	36,387,500	43,000,000	đã tích hợp TBTN
11	KAS.D400	Bộ tời Kasankie DC 400kg	bộ	45,510,000	51,000,000	đã tích hợp TBTN
12	KAS.A300	Bộ tời Kasankie AC 300kg	bộ	29,827,500	35,000,000	
13	KAS.A500	Bộ tời Kasankie AC 500kg	bộ	31,775,000	37,500,000	
14	Boss.SO	Bộ tời ống Boss.SO sức nâng danh định 100kg	bộ	4,458,750	7,100,000	
15	ECO.400.C	Bộ tời Robust ECO 400kg	bộ	2,952,000	5,300,000	
16	ECO.600.C	Bộ tời Robust ECO 600kg	bộ	3,126,250	6,000,000	
17	YH.300	Bộ tời YH 300kg (HĐK Boss)	bộ	4,950,750	7,100,000	
18	YH.400	Bộ tời YH 400kg (HĐK Boss)	bộ	5,278,750	9,100,000	
19	YH.500	Bộ tời YH 500kg (HĐK Boss)	bộ	6,355,000	11,700,000	
20	YH.700	Bộ tời YH 700kg (HĐK Boss)	bộ	11,285,250	17,000,000	
	YH.1000	Bộ tời YH 1000kg (HĐK Boss)	bộ	16,338,500		
21	YH.1300	Bộ tời YH 1300kg - điện 3 pha (HĐK Boss)	bộ	32,318,250	40,500,000	
22	50/12 CSI	Bộ tời ống Somfy 100kg (sức nâng danh định 60kg)	bộ	13,735,000	17,000,000	
23	ECO.400.K	Bộ tời Robust ECO 400kg (kèm Thân bộ tời và Mặt bích)	bộ	2,029,500		không bao gồm Hộp điều khiển
24	ECO.600.K	Bộ tời Robust ECO 600kg (kèm Thân bộ tời và Mặt bích)	bộ	2,173,000		
25	YY.300	Bộ tời YY 300kg	bộ	4,885,150	6,400,000	
26	YY.550	Bộ tời YY 550kg	bộ	7,810,500	9,200,000	
27	YY.850	Bộ tời YY 850kg	bộ	19,039,375	23,000,000	
Bộ tời điện DC (đã tích hợp thiết bị đảo chiều)						
1	RB.DC1	Bộ tời DC Robust đơn (dùng cho cửa DT < 12m2)	bộ	4,786,750	6,300,000	
2	RB.DC2	Bộ tời DC Robust đôi (dùng cho cửa DT 12m2 - < 30m2)	bộ	5,740,000	7,400,000	
3	RB.DC3	Bộ tời DC siêu trường HV (dùng cho cửa DT > 30m2)	bộ	5,945,000	7,850,000	
Bộ Lưu điện						
1	B.SH 750	Lưu điện Boss [®] - SH 750 (dùng cho bộ tời AC ≤ 500kg)	bộ	2,039,750	3,800,000	BH 1 năm (riêng acquy 6 tháng)
2	B.SH 1200	Lưu điện Boss [®] - SH 1200 (dùng cho bộ tời AC ≤ 800kg)	bộ	2,726,500	4,800,000	
3	RP.SD 1000	Lưu điện BossRP.SD 1000 (dùng cho bộ tời DC đơn và đôi)	bộ	2,460,000	3,900,000	

4	B.SH 800	Lưu điện Bössü - Intel - SH 800 (dùng cho bộ tời AC ≤ 500kg)	bộ	2,716,250	4,500,000	BH 2 năm (riêng ac quy 6 tháng)
5	B.SH 1250	Lưu điện Bössü - Intel - SH 1250 (dùng bộ tời AC ≤ 850kg)	bộ	3,638,750	5,500,000	

Lưu ý :

* Giá bán trên chưa bao gồm thuế VAT10% . Giá bán cửa lỗ thoáng; cửa Tầm liền trên áp dụng cho màu tiêu chuẩn (đã ban hành), trường hợp sơn màu hoặc hệ sơn khác có thể tính thêm phí phát sinh (báo giá cụ thể khi nhận đơn hàng) và thời gian chờ sơn.

* Giá bán trên:

+ Đối với cửa lỗ thoáng là giá bán theo kích thước phủ bì cửa. Phần chênh lệch cắt chuẩn nan và phủ bì áp dụng theo chính sách đã ban hành.

+ Đối với Nan CD100; CD80iS với cửa ≥ 8m2 đã bao gồm Ray RS100 + Trục (Trục Φ114 với cửa 8 - <12m2; Trục Φ140 với cửa 12-16m2; Trục 168 -dày 5.16mm với cửa > 16m2). Cửa có diện tích < 8m2 tính phụ phí 4%.

+ Đối với các loại Nan 68; 65; 52 giá bán đã bao gồm trục tròn 114 - dày 2.0mm(đồng bộ: trục, bát, móng bắt hoàn thiện tại Nhà máy. Riêng phần hàn đầu trục phải có số đo chính xác trên đơn hàng và mua kèm bộ tời). Nếu lấy bằng trục khác có giá trị cao hơn thì tính thêm phần chênh lệch theo giá bán buôn.

+ Đối với cửa tầm liền T - DL và T- EX (không áp dụng cho cửa lắp bộ tời AC): đã bao gồm Ray U63T và giá L

+ Đối với cửa tầm liền ECO và ECO Super (không áp dụng cho cửa lắp bộ tời AC): đã bao gồm Ray U63T + giá L + Khóa KH3

* Giá bán cửa đã bao gồm phụ kiện: Trục, Ray, Giá đỡ, Khóa... (nếu có) chỉ áp dụng với các bộ cửa:

+ Cửa lỗ thoáng có diện tích tiêu chuẩn ≥ 7.5m2. Các bộ cửa từ 7- < 7.5m2 tính thêm phụ phí 3%; < 7m2 tính phụ phí 4%.

+ Cửa tầm liền có diện tích tiêu chuẩn ≥ 7.0m2. Các bộ cửa từ 6 - < 7m2 tính thêm phụ phí 3%; < 6m2 tính phụ phí 4%. Không áp dụng cho cửa sử dụng bộ tời AC. Cửa có diện tích nhỏ (Lỗ thoáng < 7.5m2 và Tầm liền < 7.0m2) thì tính thêm phần phụ phí và được áp dụng chương trình như cửa có diện tích theo tiêu chuẩn trên.

* Sản phẩm có bán giá NET thì không áp dụng thưởng theo CSBH 2019.

* Các loại phụ kiện cửa cuốn chỉ xuất bán để lắp thêm hoặc thay thế cho cửa cuốn của Bosssdoor (NPP/Giám sát xác nhận thông tin địa điểm lắp đặt cửa + tên và ĐT chủ nhà + Tình trạng cửa, hình ảnh...) fax về bộ phận DVKH.

* Độ dày của Nan cửa lỗ thoáng được đo tại điểm mỏng nhất và điểm dày nhất, dung sai là ± 5%.

* Những Nan lỗ thoáng trước đây mà không có trong bảng giá này hiện vẫn còn hàng tại nhà máy (áp dụng theo bảng giá đã ban hành), NPP/ĐL vui lòng liên hệ với BPDVKH trước để biết chi tiết.

**** Bảng giá có hiệu lực từ Ngày 15/03/2020 đến khi có thông báo mới thay thế.**